

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Đầy và ông Nguyễn Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 193/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 01/01/1988 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096088011...

Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TA, tỉnh CM.

Bị đơn: Chị Tạ Kim C, sinh ngày 01/01/1985 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096185013...

Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TA, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2025 nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:* Năm 2004 sau khi quen biết, tìm hiểu, anh và chị Tạ Kim C tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tân Ân, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/3/2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng do cự cãi và cuộc sống không còn hòa hợp. Mặc dù vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng đến nay không có kết quả và đã sống ly thân 01 năm nay.

Nay xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích không còn đạt được, anh không còn tình cảm với chị C nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Đỗ Nhật N, sinh ngày 17/06/2006, Đỗ Nhật H, sinh ngày 17/10/2014 và Đỗ Bích T, sinh ngày 28/6/2020. Hiện cháu N và H sống cùng anh; cháu T sống cùng với chị C. Sau khi ly hôn đối với cháu Nguyên đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; đối với cháu H và cháu T thì căn cứ theo nguyện vọng 02 cháu và chấp thuận theo nguyện vọng của 02 cháu. Tuy nhiên, anh có nguyện vọng vợ chồng vẫn tiếp tục nuôi dưỡng 02 con như hiện nay là anh nuôi

dưỡng cháu H, chị C nuôi dưỡng cháu Trâm.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 18/12/2025 bị đơn chị Tạ Kim C trình bày:* Do hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc và đi làm công nhân tại Cần Thơ nên hoàn cảnh đi lại rất khó khăn và xin vắng mặt. Chị giữ y yêu cầu khởi kiện ly hôn và những vấn đề khác được trình bày trong đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T và chị C vắng mặt có văn bản xin vắng mặt không tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị C tự nguyện kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tân Ân, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn anh T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, tính tình không hợp, bất đồng và đã không chung sống với nhau hơn 01 năm không hàn gắn chung sống lại được nên anh khởi kiện xin ly hôn. Đối với chị C không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của anh T và đồng ý yêu cầu khởi kiện về ly hôn. Từ đó cho thấy giữa anh chị đã từ lâu không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng nên nay cả hai đồng ý thuận tình ly hôn nhau. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, trên cơ sở nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận là đúng quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung tên Đỗ Nhật N, sinh ngày 17/06/2006, Đỗ Nhật H, sinh ngày 17/10/2014 và Đỗ Bích T, sinh ngày 28/6/2020. Sau khi ly hôn đối với cháu N đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Đây là quyền tự nguyện định đoạt của anh chị nên được chấp nhận.

Đối với cháu H hiện do anh T nuôi dưỡng và cháu T do chị C nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, giao cháu T cho chị C nuôi dưỡng là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Tạ Kim C.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nhật H, sinh ngày 17/10/2014 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Giao cháu Đỗ Bích T, sinh ngày 28/6/2020 cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình anh T phải chịu 150.000 đồng, anh T đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0005134 ngày 24/11/2025 nay được chuyển thu đối trừ, anh T được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- UBND xã Tân Ân;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Kiên